TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**C XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2023/HSST
Ngày: 12/4/2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Điệp;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đắc Quýnh và bà Nguyễn Thị Phương Nga

Thư ký phiên tòa:

+ Bà Phạm Thị Hiên - Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Hải Dương – Tại điểm cầu trung tâm.

+ Ông Nguyễn Minh Đức - Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Hải Dương – Tại điểm cầu thành phần.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà:

+ Ông Phùng Văn Huấn - Kiểm sát viên – Tại điểm cầu trung tâm.

+ Ông Trần Đình Nghị – Kiểm sát viên – Tại điểm cầu thành phần

Ngày 12 tháng 04 năm 2023, tại điểm cầu trung tâm - trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Hải Dương và điểm cầu thành phần – Trại tạm giam công an tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số: 21/2023/TLST-HS ngày 21 tháng 03 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2023/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 03 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Đình T, sinh năm: 1985; Giới tính: Nam; Nơi ĐKHKTT: thôn B1, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương; Chỗ ở hiện nay: thôn B, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 02/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Đình T1 và bà Phan Thị N; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai; có vợ là Mạc Thị T2; có 03 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: chưa.

- Nhân thân:

+ Bản án số 16 ngày 17/4/2008 của TAND huyện N xử phạt T 42 tháng tù về tội Cướp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 133 Bộ luật Hình sự. Chấp hành xong bản án ngày 30/8/2010.

+ Bản án số 26 ngày 27/6/2013 của TAND huyện N xử phạt T 08 năm tù về tội Cướp tài sản quy định tại khoản 2 Điều 133 Bộ luật Hình sự. Chấp hành xong bản án ngày 25/01/2019.

- Biện pháp ngăn chặn: Bị cáo bị tạm giam ngày 03/01/2023. Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam công an tỉnh Hải Dương - Có mặt tại phiên tòa.

* *Bị hại:* Chị Trần Thị D, sinh năm 1999; địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương. Có đơn đề nghị vắng mặt

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Chị Mạc Thị T3, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương. Có mặt

+ Anh Triệu Bá T4, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn B1, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương.

+ Anh Nguyễn Trung D1, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn C, xã C1, huyện N, tỉnh Hải Dương.

+ Anh Đặng Thái D2, sinh năm 1993; địa chỉ: Số 74 T, khu 8, phường H, thành phố H1, tỉnh Hải Dương.

Đều có đơn đề nghị vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng hơn 20 giờ ngày 08/11/2022, Nguyễn Đình T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, biển kiểm soát 34B4-160.71 (*Đăng ký xe mang tên chị Mạc Thị T5 – vợ bị cáo)* đến đoạn đường cánh đồng thuộc thôn L, xã H, huyện N thì nhìn thấy chị Trần Thị D, sinh năm 1999, trú tại thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Vision màu đen đỏ biển số 34B4-01248 đi ngược chiều. T nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của chị D nên quay đầu xe đuổi theo chị D đến khu vực Đ thuộc đoạn đường cánh đồng thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương, lợi dụng đường tối và vắng người, T tăng ga vượt qua chặn đầu xe của chị D. Sau khi dừng lại, T đi lại gần và đến phía sau, dùng tay phải bóp vào gáy, vòng tay ghì cổ chị D và yêu cầu chị D đưa tiền. Do sợ hãi nên chị D đưa cho T 20.000 đồng, T cầm số tiền trên cất trong người sau đó tiếp tục dùng tay phải ghì cổ, đè chị D xuống, tay trái mở túi xách của chị D lấy số tiền 63.000 đồng và tiếp tục

lấy chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Y21, màu xanh tím có ốp lưng màu hồng chị D đang cầm trên tay cho vào túi quần của mình rồi T điều khiển xe mô tô bỏ đi. Trên đường đi T tháo vứt bỏ sim điện thoại, ốp lưng điện thoại (có 01 thẻ ngân hàng Vietcombank bên trong) sau đó mang chiếc điện thoại trên đến cửa hàng điện thoại của anh Triệu Bá Tùng, sinh năm 1986, trú tại thôn B1, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương nhờ cài đặt lại phần mềm. Đến sáng ngày 09/11/2022, T mang chiếc điện thoại trên bán cho anh Nguyễn Trung D1, sinh năm 1992, trú tại thôn C1, xã C, huyện N, tỉnh Hải Dương với giá 1.400.000 đồng (T đã tiêu sài cá nhân hết). Anh D1 đã bán lại chiếc điện thoại trên cho anh Đặng Thái D2, sinh năm 1993, trú tại số 74 T, khu 8, phường H, thành phố H1 với giá 1.900.000 đồng. Ngày 15/11/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N tiến hành rà soát hệ thống camera gần khu vực hiện trường phát hiện có đối tượng điều khiển xe moto và đặc điểm giống Nguyễn Đình T như chị D trình bày. Ngày 02/01/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N tiến hành rà soát hệ thống camera tại hiện trường phát hiện đối tượng đối tượng có đặc điểm giống như chị D trình bày, sau khi triệu tập, lấy lời khai Nguyễn Đình T khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại Kết luận định giá tài sản số 29 ngày 22/11/2022 của Hội đồng định giá tài sản UBND huyện N kết luận: 01 điện thoại hiệu Vivo Y21 màu xanh tím đã qua sử dụng, mua mới vào ngày 30/10/2021 với giá 3.860.000 đồng và sử dụng ổn định, không va đập, không thay thế sửa chữa linh kiện của điện thoại từ ngày 30/10/2021 đến ngày 08/11/2022 tại thời điểm định giá tháng 11/2022 có giá 1.667.000 đồng.

Vật chứng thu giữ: Chiếc xe môtô nhãn hiệu Honda Vision màu đen, biển số 34B4-160.71 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy số 142942 mang tên Mạc Thị T5; 01 bộ quần áo rằn ri gồm 01 áo dài tay, 01 quần dài là bộ quần áo T mặc khi thực hiện hành vi phạm tội hiện đang được quản lý tại kho vật chứng chờ xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Nguyễn Đình T đã bồi thường cho bị hại số tiền 4.000.000 đồng, chị D không yêu cầu bồi thường nào khác và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Trung D1, anh Triệu Bá T3, anh Đặng Thái D2 không yêu cầu đề nghị gì.

Tại bản Cáo trạng số 28/CT-VKS-NS ngày 20/3/2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Hải Dương truy tố Nguyễn Đình T về tội Cướp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình và đề nghị Tòa án cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Người bị hại vắng mặt tại phiên toà, tại lời khai cũng như đơn đề nghị bị hại là chị D xác nhận đã nhận được tiền bồi thường, không yêu cầu đề nghị gì về trách nhiệm dân sự và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh D1, anh T3, anh D2 không có yêu cầu đề nghị gì và xin xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị HĐXX: căn cứ khoản 1 Điều 168, điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Tuyên bố Nguyễn Đình T phạm tội Cướp tài sản; Xử phạt: từ 39 tháng đến 42 tháng tù thời hạn tính từ ngày tạm giam 03/01/2023; Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng; Về trách nhiệm dân sự: Không phải giải quyết; Về vật chứng: Tịch thu sung quỹ Nhà nước ½ giá trị chiếc xe môtô nhãn hiệu Honda Vision màu đen, biển kiểm soát 34B4-160.71 số khung 5833KY37210, số máy JF86E2101660 và hoàn trả ½ giá trị chiếc xe trên cùng 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy số 142942 mang tên Mạc Thị T5 cho chị Mạc Thị T5; Tịch thu cho tiêu hủy 01 áo dài tay, 01 quần dài màu rằn ri của bị cáo Nguyễn Đình T. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra – Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản làm việc, kết luận định giá tài sản và các vật chứng, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng hơn 20 giờ ngày 08/11/2022, tại khu vực đường cánh đồng thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương, Nguyễn Đình T có hành vi dùng vũ lực chiếm đoạt của chị Trần Thị D, sinh năm 1999, trú tại thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương số tiền 83.000 đồng và 01 chiếc điện thoại di động

nhãn hiệu Vivo Y21 màu xanh tím có ốp lưng màu hồng trị giá 1.667.000 đồng. Tổng giá trị tài sản T đã chiếm đoạt 1.750.000đ

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an ở địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi dùng vũ lực chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Tài sản bị cáo chiếm đoạt là 1.750.000đ. Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cướp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về các tình tiết tăng nặng nhiệm hình sự của bị cáo: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, tự nguyện khắc phục hậu quả là bồi thường giá trị tài sản chiếm đoạt cho bị hại, bị hại đã nhận lại tài sản và xin giảm hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, bị cáo đã hai lần bị xét xử về tội cướp tài sản, mặc dù đã được xóa án tích nhưng bị cáo lại không lấy đó làm bài học kinh nghiệm cho bản thân mà lại tiếp tục phạm tội. Điều này thể hiện ý thức coi thường pháp luật của bị cáo và cần có mức án phù hợp với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 6 Điều 168 Bộ luật Hình sự có quy định về hình phạt bổ sung là phạt tiền, nhưng xét bị cáo nghề nghiệp và thu nhập không ổn định nên hội đồng xét xử không phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng, về trách nhiệm dân sự:

+ Về vật chứng: Xác định chiếc xe môtô nhãn hiệu Honda Vision màu đen, biển kiểm soát 34B4-160.71 là phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu phát mại sung vào quỹ Nhà nước. Tuy nhiên, đây là tài sản chung của bị cáo và vợ là chị Mạc Thị T5 nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước ½ giá trị chiếc xe môtô nhãn hiệu Honda Vision màu đen, biển kiểm soát 34B4-160.71 số khung 5833KY37210, số máy JF86E2101660 và hoàn trả chị Mạc Thị T5 ½ giá trị chiếc xe trên cùng 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy số 142942 mang tên Mạc Thị T5; Đối với 01 áo dài tay, 01 quần dài màu rằn ri của bị cáo Nguyễn Đình T mặc khi phạm tội, bị cáo xác định qua sử dụng không còn giá trị và đề nghị cho tiêu hủy nên cần tịch thu cho tiêu hủy theo điểm a, c khoản 2; khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

+ Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là D đã nhận lại tài sản chiếm đoạt và nhận tiền bồi thường nên không còn yêu cầu về trách nhiệm dân sự và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh D1 cho bị cáo số tiền anh D1 bỏ ra mua chiếc điện thoại; anh D2 không có yêu cầu bị cáo và anh D1 phải bồi thường; anh Tùng không có yêu cầu, đề nghị gì về trách nhiệm dân sự do vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Đối với chị Mạc Thị T5 không biết việc T sử dụng xe mô tô biển kiểm soát 34B4-160.71 vào việc phạm tội; anh Triệu Bá T3, Nguyễn Trung D1, Đặng Thái D2 không biết chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y21 là tài sản do Nguyễn Đình T phạm tội mà có nên không có căn cứ xem xét, xử lý.

[8] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Luật phí và lệ phí, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

[9] Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 168, điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, điểm a, c khoản 2 và khoản 3 Điều 106, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Đình T** phạm tội "Cướp tài sản".

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Đình T** 39 (Ba mươi chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 03/01/2023;

2. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu sung quỹ Nhà nước ½ giá trị chiếc xe môtô nhãn hiệu Honda Vision màu đen, biển kiểm soát 34B4-160.71 số khung 5833KY37210, số máy JF86E2101660 và hoàn trả ½ giá trị chiếc xe trên cùng 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy số 142942 mang tên Mạc Thị T5 cho chị Mạc Thị T5; Tịch thu cho tiêu hủy 01 áo dài tay, 01 quần dài màu rằn ri *(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện N với Chi cục Thi hành án dân sự huyện N)*

3. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo phần liên quan đến mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo phần liên quan đến mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện N;
- Cơ quan điều tra - CA huyện N;
- Cơ quan THAHS – CA huyện;
- Bộ phận HSNV – CA huyện;
- VKS tỉnh Hải Dương;
- Sở TP tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THA huyện N;
-Trại tạm giam công an tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo;
- Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Điệp